

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 698/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang (cấp tỉnh 10 TTHC; cấp xã 10 TTHC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế các thủ tục hành chính thứ tự số 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11 tại mục A.2 và số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11 tại mục B.2 theo Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|---|--|---|----------------------|---|
| 1 | 1.004427 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 2 | 2.001796 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ | Không | Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|--|--|---|----------------------|---|
| | | quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | | hành chính công tỉnh An Giang | | Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 3 | 2.001426 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 4 | 2.001795 | Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|--|--|---|----------------------|---|
| 5 | 1.003870 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 6 | 2.001793 | Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 7 | 1.004385 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch | Không | Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|---|--|---|----------------------|---|
| | | quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | | vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | | kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 8 | 2.001791 | Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 9 | 1.003880 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|---|--|---|----------------------|---|
| 10 | 2.001401 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang | Không | Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

| | | | | | | |
|---|----------|---|--|---|-------|--|
| 1 | 1.014849 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân | 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
|---|----------|---|--|---|-------|--|

| | | | | | | |
|---|----------|---|--|---|-------|--|
| | | cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | | | | |
| 2 | 1.014850 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 3 | 1.014851 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 4 | 1.014852 | Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác | 06 ngày làm việc kể từ ngày | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn | Không | Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ |

| | | | | | | |
|---|----------|---|--|--|-------|--|
| | | trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | | CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 5 | 1.014853 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 6 | 1.014859 | Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của |

| | | | | | | |
|---|----------|--|--|---|-------|--|
| | | cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | | | | Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 7 | 1.014860 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 8 | 1.014862 | Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 9 | 1.014863 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được | <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn | Không | Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá |

| | | | | | | |
|----|----------|--|--|---|-------|--|
| | | đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | | thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 10 | 1.014864 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu | Không | Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |